

Số: 758/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh
đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC:10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DANH MỤC

Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 758 /QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện | Điều kiện đầu tư, kinh doanh | Văn bản quy phạm pháp luật | Ghi chú |
|-----|--|--|-----------------------------------|---------|
| 1 | Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non | 1. Điều kiện thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập; cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục 1.1. Có đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. 1.2. Đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ | Điều 3 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP | |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.</p> <p>2. Điều kiện để trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục</p> <p>2.1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>2.2. Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu, duy trì và phát triển hoạt động giáo dục, cụ thể:</p> <p>a) Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ được đặt tại khu dân cư bảo đảm các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.</p> <p>b) Diện tích khu đất xây dựng gồm: Diện tích xây dựng; diện tích sân chơi; diện tích cây xanh, đường đi. Diện tích khu đất xây dựng bình quân tối thiểu 12 m² cho một trẻ em đối với khu vực đồng bằng, trung du (trừ thành phố thị xã); 08 m² cho một trẻ em đối với khu vực thành phố, thị xã, núi cao và hải đảo.</p> <p>c) Khuôn viên của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ có tường bao ngăn cách với bên ngoài.</p> <p>d) Cơ cấu khối công trình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng vệ sinh, hiên chơi bảo đảm theo đúng quy chuẩn quy định. | <p>Điều 5 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 2 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>- Khối phòng phục vụ học tập: Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng.</p> <p>- Khối phòng tổ chức ăn: Khu vực nhà bếp và kho.</p> <p>- Khối phòng hành chính quản trị gồm: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên.</p> <p>- Sân chơi gồm: Sân chơi của nhóm, lớp; sân chơi chung.</p> <p>đ) Có thiết bị, đồ chơi, đồ dùng, tài liệu chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2.3. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục mầm non và tổ chức hoạt động giáo dục.</p> <p>2.4. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.</p> <p>2.5. Có quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.</p> <p>3. Điều kiện thành lập và hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập</p> <p>3.1. Có giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định.</p> | <p>Điều 10 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>3.2. Có phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em an toàn; diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bảo đảm ít nhất 1,5 m² cho một trẻ em; có chỗ chơi, có hàng rào và cổng bảo vệ an toàn cho trẻ em; những nơi có tổ chức ăn cho trẻ em phải có bếp riêng, an toàn; bảo đảm phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm. Có đủ nước sạch dùng cho sinh hoạt và đủ nước uống hàng ngày cho trẻ em.</p> <p>3.3. Trang thiết bị đối với một nhóm trẻ độc lập:</p> <p>a) Thiết bị tối thiểu cho trẻ em gồm: Chiếu hoặc thảm ngồi chơi, giường nằm, chăn, gối, màn để ngủ, dụng cụ đựng nước uống, đồ dùng, đồ chơi và giá để, giá để khăn và ca, cốc, có đủ bộ đi vệ sinh và tài liệu phục vụ hoạt động chơi và chơi - tập có chủ đích.</p> <p>b) Tài liệu cho người nuôi dạy trẻ em, gồm: Bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em; sổ theo dõi trẻ; sổ theo dõi tài sản của nhóm trẻ; tài liệu dùng để phổ biến kiến thức nuôi dạy con cho cha mẹ.</p> <p>3.4. Trang thiết bị đối với một lớp mẫu giáo độc lập:</p> <p>a) Thiết bị tối thiểu cho trẻ em gồm: Bàn, ghế đúng quy cách cho trẻ em ngồi (đặc biệt đối với trẻ em 05 tuổi): một bàn và hai ghế cho hai trẻ em; một bàn, một ghế và một bảng cho giáo viên; đồ dùng, đồ chơi và giá để; bình đựng nước uống, nước sinh hoạt; tài liệu cho hoạt động chơi và học có chủ đích.</p> | <p>Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|---|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>Đối với lớp bán trú: Có chiếu hoặc giường nằm, chăn, gối, màn, quạt.</p> <p>b) Tài liệu cho giáo viên mẫu giáo gồm: Bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em; sổ theo dõi trẻ em; sổ ghi chép tổ chức các hoạt động giáo dục của trẻ em trong ngày; tài liệu dùng để phổ biến kiến thức nuôi dạy con cho cha mẹ.</p> <p>3.5. Đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ em tới trường, lớp, các cá nhân có thể tổ chức nhóm trẻ nhằm đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em của phụ huynh và phải đăng ký hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm các điều kiện đăng ký hoạt động như sau:</p> <p>a) Số lượng trẻ em trong nhóm trẻ tối đa là 07 trẻ em.</p> <p>b) Người chăm sóc trẻ em có đủ sức khỏe, đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định.</p> <p>c) Cơ sở vật chất phải bảo đảm các điều kiện tối thiểu như sau: Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có diện tích tối thiểu là 15 m²; bảo đảm an toàn, thoáng, mát; có đồ chơi an toàn, phù hợp lứa tuổi của trẻ em; có đủ đồ dùng và các thiết bị phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em; có đủ nước uống và nước sinh hoạt cho trẻ em hằng ngày; có phòng vệ sinh và thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ em; có tài liệu hướng dẫn thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ em.</p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|---|--|--|---|--|
| 2 | Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông | <p>1. Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục</p> <p>1.1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo thuận lợi cho trẻ em đến trường nhằm bảo đảm thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.</p> <p>1.2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm và diện tích đất dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.</p> <p>2. Điều kiện để trường tiểu học hoạt động giáo dục</p> <p>2.1. Có quyết định về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường.</p> <p>2.2. Đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục:</p> <p>a) Diện tích khu đất xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 10 m² cho một học sinh đối với khu vực nông thôn, miền núi; 06 m² cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã. Đối với nơi khó khăn về đất đai, có thể thay thế diện tích sử dụng đất bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm đủ diện tích theo quy định.</p> <p>b) Cơ cấu khối công trình gồm:</p> | <p>Điều 15 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> <p>Điều 17 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|---|--|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>- Hàng rào bảo vệ khuôn viên trường; cổng trường; biển tên trường; phòng học; phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng; văn phòng; phòng họp, phòng giáo viên; thư viện; phòng thiết bị giáo dục; phòng máy tính; phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng y tế trường học; phòng bảo vệ.</p> <p>- Phòng giáo dục nghệ thuật; phòng học nghe nhìn; phòng tham vấn học sinh; phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập; phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng.</p> <p>- Khu vệ sinh cho giáo viên, học sinh, học sinh khuyết tật; khu chứa rác và hệ thống cấp thoát nước bảo đảm vệ sinh; khu để xe cho học sinh, giáo viên và nhân viên; khu đất làm sân chơi có diện tích không dưới 30% diện tích khu đất của trường, bảo đảm an toàn cho học sinh.</p> <p>- Khu nhà ăn, nhà nghỉ bảo đảm điều kiện sức khoẻ cho học sinh học bán trú.</p> <p>c) Bảo đảm có đủ thiết bị giáo dục ít nhất theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2.3. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục an toàn cho người học, người dạy và người lao động.</p> <p>2.4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với giáo dục tiểu học.</p> <p>2.5. Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên đạt tiêu chuẩn,</p> | | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục.</p> <p>2.6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.</p> <p>3. Điều kiện để cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học</p> <p>3.1. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn theo quy định.</p> <p>3.2. Phòng học:</p> <p>a) Bảo đảm đúng quy cách, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi.</p> <p>b) Có các thiết bị: Bàn, ghế giáo viên, học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt (ở nơi có điện); hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.</p> <p>4. Điều kiện thành lập trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học) công lập; cho phép thành lập trường trung học tư thục</p> <p>4.1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> | <p>Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> <p>Điều 25 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>4.2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.</p> <p>5. Điều kiện để trường trung học hoạt động giáo dục</p> <p>5.1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.</p> <p>5.2. Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất gồm:</p> <p>a) Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn, đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết và bảo đảm học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.</p> <p>b) Phòng học bộ môn: Thực hiện theo quy định về quy chuẩn phòng học bộ môn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>c) Khôi phục vụ học tập gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống.</p> <p>d) Khôi hành chính - quản trị gồm: Phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học, nhà kho, phòng thường trực, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể.</p> | <p>Điều 27 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|---|---|--|---|--|
| | | <p>đ) Khu sân chơi, bãi tập: Có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường, có đủ thiết bị luyện tập thể dục, thể thao và bảo đảm an toàn.</p> <p>e) Khu để xe: Bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, bảo đảm an toàn, trật tự, vệ sinh.</p> <p>g) Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối Internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.</p> <p>5.3. Địa điểm của trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên. Trường học là một khu riêng, có tường bao quanh, có cổng trường và biển tên trường.</p> <p>5.4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học.</p> <p>5.5. Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và đạt trình độ chuẩn được đào tạo phù hợp với từng cấp học; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.</p> <p>5.6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.</p> <p>5.7. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.</p> | | |
| 3 | Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên | <p>1. Điều kiện thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên</p> <p>1.1. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định.</p> | Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP | |

| | | | | |
|---|----------------------------------|---|---|--|
| | | <p>1.2. Có địa điểm để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định sau đây:</p> <p>a) Có đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng thực hành lao động sản xuất.</p> <p>b) Có các thiết bị dạy học và tài liệu học tập theo yêu cầu thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên.</p> <p>2. Điều kiện để trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục</p> <p>2.1. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động của trung tâm.</p> <p>2.2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học, nguồn kinh phí phù hợp, bảo đảm chất lượng giáo dục theo kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô hoạt động của trung tâm.</p> | Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP | |
| 4 | Hoạt động của trường chuyên biệt | <p>1. Điều kiện thành lập trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao</p> <p>1.1. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ điều kiện và tiêu chuẩn bảo đảm để dạy kiến thức phổ thông ở các cấp học tương ứng. Có đội ngũ huấn luyện viên đủ trình độ để huấn luyện các môn thể dục thể thao: Huấn luyện lớp năng khiếu thể dục thể thao phải có trình độ cao đẳng thể dục thể thao trở lên, huấn luyện ở trường năng khiếu thể dục thể thao phải có trình độ đại học thể dục thể thao trở lên, nếu là vận động viên có đẳng cấp từ cấp 01 đến kiện tướng thì phải có trình độ từ cao đẳng thể dục thể thao trở lên.</p> | Điều 53 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP | |

| | | | | |
|--|--|---|---|--|
| | | <p>1.2. Có đủ cơ sở vật chất bảo đảm việc học kiến thức phổ thông và tập luyện các môn năng khiếu thể dục thể thao cho học sinh. Trường năng khiếu thể dục thể thao có chỗ ở nội trú cho học sinh ở xa.</p> <p>2. Điều kiện thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục</p> <p>2.1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2.2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên.</p> <p>3. Điều kiện để trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục</p> <p>Đáp ứng các điều kiện hoạt động như đối với trường trung học phổ thông quy định tại Điều 27 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP và các điều kiện sau đây:</p> <p>3.1. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định đối với trường chuyên.</p> | <p>Điều 55 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> <p>Điều 47 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> | |
|--|--|---|---|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>3.2. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng, phẩm chất, năng lực và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của trường chuyên.</p> <p>4. Điều kiện thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập, cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục</p> <p>Việc thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập, cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>5. Điều kiện để trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục</p> <p>5.1. Có cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật, gồm:</p> <p>a) Trụ sở, phòng làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.</p> <p>b) Phòng học, phòng chức năng tương ứng để thực hiện các hoạt động của trung tâm.</p> <p>c) Khu nhà ở cho học sinh đối với trung tâm có người khuyết tật nội trú.</p> | <p>Khoản 23 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> <p>Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|---|--|
| | | <p>d) Phương tiện, thiết bị, công cụ sử dụng để đánh giá, can thiệp, dạy học, hướng nghiệp, dạy nghề.</p> <p>đ) Tài liệu chuyên môn, tài liệu hỗ trợ bảo đảm thực hiện các hoạt động của trung tâm.</p> <p>5.2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục có trình độ chuyên môn phù hợp với các phương thức giáo dục người khuyết tật.</p> <p>5.3. Nội dung chương trình giáo dục và tài liệu bồi dưỡng, tư vấn phù hợp với các phương thức giáo dục người khuyết tật.</p> <p>6. Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú</p> <p>6.1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>6.2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.</p> <p>7. Điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục</p> <p>7.1. Có quyết định thành lập trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>7.2. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị tương ứng với từng cấp học</p> | <p>Điều 67 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> <p>Điều 69 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> | |
|--|--|---|---|--|

| | | | |
|--|--|---|--|
| | <p>theo quy định tại Nghị định này và bảo đảm tiêu chí của trường chuẩn quốc gia, ngoài ra còn có thêm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Khu nội trú có diện tích sử dụng tối thiểu 06 m²/học sinh.</p> <p>b) Phòng ở nội trú, nhà ăn cho học sinh và các trang thiết bị kèm theo.</p> <p>c) Nhà công vụ cho giáo viên.</p> <p>d) Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc với các thiết bị kèm theo.</p> <p>đ) Phòng học và thiết bị giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, nghề truyền thống của các dân tộc phù hợp với địa phương.</p> <p>7.3. Địa điểm của trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên.</p> <p>7.4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với mỗi cấp học theo quy định.</p> <p>7.5. Có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định phù hợp đối với cấp học; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.</p> <p>7.6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.</p> <p>7.7. Có quy chế tổ chức và hoạt động của trường.</p> <p>8. Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú</p> <p>8.1. Có đề án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và</p> | <p>Điều 72 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> | |
|--|--|---|--|

| | | | |
|--|--|---|--|
| | <p>quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>8.2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng xây dựng và phát triển trường. Trong phương hướng xây dựng và phát triển trường cần bảo đảm ổn định tỷ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số và tỷ lệ học sinh bán trú theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>9. Điều kiện để trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục</p> <p>9.1. Có quyết định thành lập trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>9.2. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục tương ứng với từng cấp học theo quy định tại Nghị định này và có thêm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.</p> <p>b) Có các công trình phục vụ cho quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh bán trú: Phòng trực nội trú, nhà ở nội trú; nhà bếp, nhà ăn, nhà tắm; công trình vệ sinh, nước sạch và các trang thiết bị kèm theo công trình.</p> <p>c) Các dụng cụ, thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục văn hóa dân</p> | <p>Điều 74 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP</p> | |
|--|--|---|--|

| | | | | |
|---|--------------------------------------|---|--|--|
| | | <p>tộc, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho học sinh bán trú.</p> <p>9.3. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục an toàn và thuận lợi cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.</p> <p>9.4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học tương ứng.</p> <p>9.5. Có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông dân tộc bán trú.</p> <p>9.6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc bán trú.</p> <p>9.7. Có quy định về tổ chức hoạt động bán trú của trường.</p> | | |
| 5 | Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học | <p>1. Điều kiện thành lập trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm công lập; cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm tư thục; thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm</p> <p>1.1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường sư phạm đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>1.2. Có diện tích đất xây dựng trường tại trụ sở chính tối thiểu là 02 ha đối với trường trung cấp sư phạm, tối thiểu là 05 ha đối với trường cao đẳng sư phạm. Địa điểm xây dựng trường phải bảo đảm</p> | <p>Điều 78, 86 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 29 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP; Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |

| | | | | |
|--|--|---|---|--|
| | | <p>về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trong nhà trường.</p> <p>1.3. Vốn đầu tư xây dựng trường được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai và bảo đảm mức tối thiểu là 50 tỷ đồng đối với trường trung cấp sư phạm, 100 tỷ đồng đối với trường cao đẳng sư phạm. Vốn đầu tư xây dựng trường công lập phải được cơ quan chủ quản phê duyệt, trong đó xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch. Vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và có minh chứng hợp pháp.</p> <p>2. Điều kiện được cấp giấy đăng ký hoạt động nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng</p> <p>2.1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.</p> <p>2.2. Có trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục theo đề án thành lập trường đã cam kết. Trong đó, diện tích sàn xây dựng tối thiểu là 5,5 m²/học sinh đối với trình độ trung cấp và 7,5 m²/sinh viên đối với trình độ cao đẳng.</p> <p>2.3. Có đủ chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp, trình độ</p> | <p>Điều 80 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|---|---|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>cao đẳng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2.4. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên bảo đảm đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu phù hợp với lộ trình đăng ký ngành, nghề đào tạo và tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2.5. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.</p> <p>2.6. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.</p> <p>3. Điều kiện thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục</p> <p>3.1. Có đề án thành lập trường đại học phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới các trường đại học được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung đề án thành lập trường cần nêu rõ: Tên gọi; ngành, nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; cơ sở vật chất; giảng viên và cán bộ quản lý; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội. Đối với trường đại học công lập, khi thành lập phải cam kết hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định. Đối với trường</p> | <p>Điều 22 Luật Giáo dục đại học; Điều 87 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 33 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>đại học tư thực, khuyến khích thành lập trường hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>3.2. Có văn bản chấp thuận về việc thành lập trường trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính (trừ trường hợp trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</p> <p>3.3. Có diện tích đất xây dựng trường tại trụ sở chính tối thiểu là 05 ha và đạt bình quân tối thiểu là 25 m²/sinh viên tại thời điểm trường có quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển.</p> <p>3.4. Đối với trường công lập phải có dự án đầu tư xây dựng trường được cơ quan chủ quản phê duyệt, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch và đối với trường tư thực phải có vốn đầu tư với mức tối thiểu là 1000 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng trường); vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập trường đại học tư thực, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 500 tỷ đồng.</p> <p>3.5. Có dự kiến cụ thể về số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên cơ hữu, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình để mở mã ngành và tuyển sinh đào tạo trong đề án thành lập trường.</p> | | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>4. Điều kiện để trường đại học hoạt động đào tạo</p> <p>4.1. Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>4.2. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động theo quy định. Địa điểm xây dựng trường đại học phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên theo nội dung tại đề án thành lập trường đã cam kết.</p> <p>4.3. Có chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định.</p> <p>4.4. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý phù hợp với ngành, nghề đào tạo, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục.</p> <p>4.5. Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm hoạt động của nhà trường.</p> <p>4.6. Có quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của trường.</p> <p>5. Điều kiện thành lập phân hiệu trường đại học công lập; cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục</p> <p>5.1. Có đề án thành lập phân hiệu.</p> <p>5.2. Có văn bản chấp thuận về việc thành lập phân hiệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đại học đặt phân hiệu.</p> | <p>Điều 23 Luật Giáo dục đại học; Điều 89 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 35 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> <p>Điều 91 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 37 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP;</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <p>5.3. Có diện tích đất xây dựng phân hiệu tối thiểu là 02 ha (trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định), đạt bình quân tối thiểu 25 m²/sinh viên tại thời điểm phân hiệu có quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển.</p> <p>5.4. Đối với phân hiệu của trường đại học công lập phải có dự án đầu tư xây dựng trường được cơ quan chủ quản phê duyệt, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch và đối với phân hiệu của trường đại học tư thục phải có vốn đầu tư với mức tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng phân hiệu); vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 150 tỷ đồng.</p> <p>6. Điều kiện để phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo</p> <p>6.1. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động theo quy định. Địa điểm xây dựng phân hiệu phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên theo nội dung tại đề án thành lập phân hiệu đã cam kết.</p> <p>6.2. Có chương trình đào tạo đối với các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (trừ những ngành và chuyên ngành mà trường đại học xin phép thành lập phân hiệu đã được phép đào tạo) và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định.</p> | <p>Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> <p>Điều 93 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; khoản 39 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP; Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|--|

| | | | | |
|---|---|--|--|--|
| | | <p>6.3. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với ngành, nghề đào tạo, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục.</p> <p>6.4. Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm hoạt động của phân hiệu.</p> <p>6.5. Có quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của phân hiệu.</p> | | |
| 6 | Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | <p>1. Điều kiện cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1.1. Vốn đầu tư</p> <p>a) Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non phải có suất đầu tư ít nhất là 30 triệu đồng/trẻ (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.</p> <p>b) Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục phổ thông phải có suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng.</p> | Điều 35, 36, 37, 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP | |

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>c) Dự án đầu tư thành lập cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn phải có suất đầu tư ít nhất là 20 triệu đồng/học viên (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất.</p> <p>d) Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học phải có tổng số vốn đầu tư tối thiểu là 1.000 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ đầu tư dự án thực hiện việc chứng minh khả năng tài chính theo quy định của Luật đầu tư. Đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập trường đại học, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 500 tỷ đồng.</p> <p>đ) Dự án đầu tư xin thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải có vốn đầu tư tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu trường đại học, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 150 tỷ đồng.</p> <p>e) Đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc do bên Việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p> <p>1.2. Cơ sở vật chất, thiết bị</p> <p>a) Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn:</p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng học phù hợp về ánh sáng, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng giảng dạy. - Có diện tích dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 2,5 m²/người học đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn. - Có văn phòng của ban giám đốc, lãnh đạo, phòng giáo viên, thư viện và các phòng chức năng khác. <p>b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số nhóm lớp, số trẻ với bình quân ít nhất 08 m²/trẻ đối với khu vực thành phố, thị xã và 12 m²/trẻ đối với khu vực nông thôn. - Có phòng học, phòng ngủ của trẻ và các phòng chức năng phù hợp về diện tích, ánh sáng, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng chăm sóc và giáo dục trẻ. - Có văn phòng nhà trường, phòng ban giám hiệu, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên phù hợp về diện tích, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. - Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, phòng vệ sinh phù hợp, có thiết bị vệ sinh bảo đảm an toàn, sạch sẽ, đáp ứng mọi sinh hoạt của trường. | | |
|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Có nhà bếp được tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều với các thiết bị, đồ dùng phù hợp, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nếu trường tổ chức nấu ăn cho trẻ.- Có sân chơi, tường bao quanh khu vực trường, có cổng trường với biển trường ghi rõ tên trường theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.- Trong khu vực trường có cây xanh. Toàn bộ các thiết kế xây dựng và trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của trường phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ. <p>c) Đối với cơ sở giáo dục phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền, với mức bình quân ít nhất là 06 m²/học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã và 10 m²/học sinh đối với khu vực nông thôn.- Có diện tích dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm mức bình quân ít nhất là 2,5 m²/học sinh.- Có văn phòng nhà trường, ban giám hiệu, phòng giáo viên, phòng họp phù hợp.- Có phòng học bộ môn (đối với trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông), thư viện, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng giảng | | |
|--|--|--|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>dạy, bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng tập thể dục đa năng, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, phòng hỗ trợ giáo dục học sinh tàn tật, khuyết tật học hòa nhập, phòng y tế học đường. Có nhà ăn, phòng nghỉ trưa nếu tổ chức học bán trú. - Có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh phù hợp với quy mô của cơ sở giáo dục, bảo đảm các điều kiện về tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Có sân chơi, bãi tập, khu để xe với diện tích ít nhất bằng 30% tổng diện tích mặt bằng của trường. Có tường bao quanh khu vực trường, có cổng trường với biển trường ghi rõ tên trường theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. <p>d) Đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất để xây dựng trường đạt bình quân ít nhất 25 m²/sinh viên tại thời điểm có quy mô đào tạo cao nhất trong kế hoạch phát triển nhà trường. - Diện tích xây nhà bình quân ít nhất là 09 m²/sinh viên, trong đó diện tích học tập ít nhất là 06 m²/sinh viên, diện tích nhà ở và sinh hoạt của sinh viên ít nhất là 03 m²/sinh viên. | | |
|--|--|---|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>- Có đủ số giảng đường, phòng học, phòng chức năng phù hợp và đáp ứng yêu cầu đào tạo theo ngành và phương thức tổ chức đào tạo.</p> <p>- Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và ban giám hiệu bảo đảm đáp ứng được cơ cấu tổ chức phòng, ban, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 08 m²/người.</p> <p>- Có hội trường, thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ.</p> <p>- Có nhà ăn, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ sinh hoạt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.</p> <p>- Có khu công trình kỹ thuật, nhà để xe ô tô, xe máy, xe đạp.</p> <p>đ) Thuê cơ sở vật chất: Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được phép thuê cơ sở vật chất ổn định theo chu kỳ thời gian ít nhất 05 năm và phải bảo đảm cơ sở vật chất đáp ứng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p> <p>1.3. Chương trình giáo dục</p> <p>a) Chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải thể hiện mục tiêu giáo dục, không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu</p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo.</p> <p>b) Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. - Chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của nước ngoài; chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của nước ngoài trong khuôn khổ các liên kết đào tạo với nước ngoài. <p>c) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>1.4. Đội ngũ nhà giáo</p> <p>a) Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ít nhất phải có trình độ cao đẳng hoặc tương đương, có ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn được phân công giảng dạy. - Tỷ lệ học viên/giáo viên quy đổi tối đa là 25 học viên/giáo viên. | | |
|--|--|---|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <p>b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ít nhất phải có trình độ cao đẳng sư phạm mầm non hoặc tương đương. - Số trẻ em tối đa trong 01 nhóm hoặc lớp được quy định như sau: Đối với trẻ em ở độ tuổi nhà trẻ: <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ em 03 - 12 tháng tuổi: 15 trẻ em/nhóm. + Trẻ em 13 - 24 tháng tuổi: 20 trẻ em/nhóm. + Trẻ em 25 - 36 tháng tuổi: 25 trẻ em/nhóm. Đối với trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo: <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ em 03 - 04 tuổi: 25 trẻ em/lớp. + Trẻ em 04 - 05 tuổi: 30 trẻ em/lớp. + Trẻ em 05 - 06 tuổi: 35 trẻ em/lớp. - Số lượng giáo viên trong 01 nhóm hoặc lớp được quy định như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với trẻ em ở độ tuổi nhà trẻ: 05 trẻ em/giáo viên. + Đối với trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo: 10 - 12 trẻ em/giáo viên. <p>c) Đối với cơ sở giáo dục phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ít nhất phải có trình độ đại học sư phạm hoặc tương đương. - Số lượng giáo viên ít nhất phải bảo đảm tỷ lệ: 1,5 giáo viên/lớp đối với trường tiểu học, 1,95 giáo viên/lớp đối với trường trung học cơ sở và 2,25 giáo viên/lớp đối với trường trung học phổ thông. | | |
|--|--|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng học sinh/lớp không vượt quá 30 học sinh/lớp đối với trường tiểu học, 35 học sinh/lớp đối với trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. d) Đối với cơ sở giáo dục đại học: <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên ít nhất phải có trình độ thạc sĩ trở lên trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ không ít hơn 50% tổng số giảng viên, trừ những ngành đào tạo đặc thù do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định. - Tỷ lệ sinh viên/giảng viên tối đa là 10 sinh viên/giảng viên đối với các ngành đào tạo năng khiếu, 15 sinh viên/giảng viên đối với các ngành đào tạo khoa học kỹ thuật và công nghệ, 25 sinh viên/giảng viên đối với các ngành đào tạo khoa học xã hội, nhân văn và kinh tế - quản trị kinh doanh. - Cơ sở giáo dục phải có đủ số lượng giảng viên cơ hữu để đảm nhận ít nhất 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành đào tạo. - Giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này. - Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục đại học phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp. | | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>2. Điều kiện cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục; phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>2.1. Có quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.</p> <p>2.2. Có vốn đầu tư, cơ sở vật chất, thiết bị, chương trình giáo dục, đội ngũ nhà giáo đáp ứng quy định tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p> <p>2.3. Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.</p> <p>3. Điều kiện cho phép tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam</p> <p>3.1. Có tư cách pháp nhân.</p> <p>3.2. Có thời gian hoạt động giáo dục ít nhất là 05 năm ở nước sở tại; đã được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục.</p> <p>3.3. Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng.</p> <p>3.4. Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3.5. Có địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện hợp pháp và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.</p> | <p>Điều 45 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> <p>Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|---|---|---|-----------------------------------|--|
| 7 | Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài | <p>1. Điều kiện liên kết giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục tích hợp</p> <p>1.1. Chương trình giáo dục</p> <p>a) Chương trình giáo dục của nước ngoài đưa vào tích hợp phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục.</p> <p>b) Chương trình giáo dục tích hợp phải bảo đảm mục tiêu của chương trình giáo dục của Việt Nam và đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục nước ngoài; không bắt buộc người học phải học lại cùng một nội dung kiến thức, bảo đảm tính ổn định đến hết cấp học và liên thông giữa các cấp học vì quyền lợi của học sinh, bảo đảm tính tự nguyện tham gia và không gây quá tải cho học sinh.</p> <p>c) Chương trình giáo dục tích hợp phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể việc tích hợp chương trình giáo dục của Việt Nam với chương trình giáo dục của nước ngoài.</p> <p>1.2. Quy mô lớp học và cơ sở vật chất phải đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục tích hợp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy chung của cơ sở giáo dục phía Việt Nam tham gia liên kết giáo dục.</p> | Điều 7 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP | |
|---|---|---|-----------------------------------|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>1.3. Đội ngũ nhà giáo</p> <p>a) Giáo viên Việt Nam giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>b) Giáo viên nước ngoài giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp phải có trình độ đại học phù hợp với chuyên môn giảng dạy và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc tương đương.</p> <p>c) Giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp bằng ngoại ngữ phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình tích hợp và không thấp hơn Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.</p> <p>2. Điều kiện liên kết đào tạo và liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài</p> <p>2.1. Đối tượng, hình thức liên kết</p> <p>a) Đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và đã được kiểm định chất lượng giáo dục. - Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận. | <p>Điều 15, 16, 17, 18, 19 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>b) Đối tượng liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam. - Cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài. <p>c) Các hình thức liên kết đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên kết đào tạo trực tiếp. - Liên kết đào tạo trực tuyến (online). - Liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến. <p>d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể về liên kết đào tạo trực tuyến, liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến và liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.</p> <p>2.2. Phạm vi, quy mô, tuyển sinh và ngôn ngữ giảng dạy trong liên kết đào tạo</p> <p>a) Phạm vi liên kết đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở giáo dục đại học quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thực hiện. - Cơ sở giáo dục đại học quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi | | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>ngành và trình độ đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.</p> <p>b) Quy mô đào tạo của liên kết được xác định căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng về cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính toán tổng chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục. Trường hợp có chung các điều kiện bảo đảm chất lượng thì quy mô đào tạo của các chương trình liên kết đào tạo phải được tính trong tổng quy mô tuyển sinh hàng năm của cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đề xuất quy mô đào tạo trong hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo, trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP phê duyệt.</p> <p>c) Đối tượng tuyển sinh vào học tại các chương trình liên kết đào tạo cấp văn bằng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thì phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ theo quy định của pháp luật Việt Nam.- Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thì phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của cơ sở giáo dục nước ngoài tương ứng với điều kiện | | |
|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>tiếp nhận vào học quy định ở nước sở tại nơi cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đồng thời cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản này.- Trình độ ngoại ngữ: Đối tượng tuyển sinh trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam ít nhất phải có trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và trường hợp đồng thời cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, đối tượng tuyển sinh ít nhất phải có trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, đối với đối tượng tuyển sinh các chương trình liên kết đào tạo nhóm ngành ngôn ngữ nước ngoài thì yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài.- Căn cứ nhu cầu của người học, các cơ sở giáo dục liên kết có thể tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp học viên đạt trình độ quy định tại điểm d khoản này trước khi tổ chức giảng dạy chính khóa. <p>d) Liên kết đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài phải</p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>giảng dạy bằng ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch. Liên kết đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam có thể giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch.</p> <p>2.3. Chương trình đào tạo</p> <p>a) Liên kết đào tạo được thực hiện theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng; chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam và của nước ngoài.</p> <p>b) Chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam là chương trình đã được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các trình độ đào tạo.</p> <p>c) Chuẩn đầu ra của các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài không được thấp hơn chuẩn đầu ra quy định bởi các văn bản pháp luật của Việt Nam.</p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>2.4. Cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm</p> <p>a) Đối với liên kết đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của cơ sở giáo dục Việt Nam và bao gồm: Phòng học, phòng làm việc giảng viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp ít nhất là 05 m²/sinh viên. - Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo phải cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của người học. - Liên kết đào tạo không được tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính của cơ sở giáo dục Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép. <p>b) Đối với tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: Địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ phục vụ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải bảo đảm chất lượng cho công tác tổ chức thi.</p> <p>2.5. Đội ngũ giảng viên</p> <p>a) Trình độ của giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với liên kết đào tạo trình độ đại học, giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với nhóm ngành giảng dạy. | | |
|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <p>- Đối với liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ, giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề và hướng dẫn luận văn thạc sĩ phải có bằng tiến sĩ phù hợp với nhóm ngành giảng dạy; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên môn tham gia hướng dẫn thực hành, thực tập.</p> <p>- Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ, giảng viên phải có bằng tiến sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải bảo đảm quy định tối thiểu như quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh của các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam.</p> <p>b) Giảng viên giảng dạy các chương trình liên kết đào tạo phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p> <p>c) Giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.</p> <p>d) Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.</p> | | |
|--|--|--|--|

| | | | | |
|---|----------------------------------|--|---|--|
| 8 | Kiểm định chất lượng giáo dục | <p>Điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục</p> <p>1. Có trụ sở hoạt động ổn định; có phòng làm việc đủ cho các kiểm định viên với diện tích tối thiểu là 08 m²/người.</p> <p>2. Có ít nhất 10 kiểm định viên.</p> | Khoản 41 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP | |
| 9 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | <p>Điều kiện kinh doanh dịch vụ tư vấn du học</p> <p>Đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> | Điều 107 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP | |